

Số: 1073/BC-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp năm 2025

Công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp đã được Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) triển khai thường xuyên nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp để có biện pháp cải tiến chất lượng đào tạo cho phù hợp; đồng thời hình thành hệ thống thu thập thông tin phản hồi của người học, cựu sinh viên.

Căn cứ công văn số 3973/BGDĐT-GDDH ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc khảo sát, công khai và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường ĐH GTVT báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác khảo sát và kết quả khảo sát như sau:

Công tác triển khai khảo sát:

Ngày 04 tháng 11 năm 2025, Trường ĐH GTVT đã ra thông báo số 927/TB-ĐHGTVT về việc khảo sát việc làm sinh viên sau tốt nghiệp năm 2025, đối tượng khảo sát là các sinh viên tốt nghiệp tại Trường ĐH GTVT đợt tháng 02/2025 và tháng 8/2025 của sinh viên toàn trường (bao gồm trụ sở chính tại Hà Nội và Phân hiệu tại TP HCM). Việc khảo sát được tiến hành thông qua nhiều kênh như: khảo sát trực tuyến, trên website cựu sinh viên hoặc qua email, điện thoại...

Kết quả khảo sát:

Tổng số sinh viên tốt nghiệp ở cả 2 đợt là 4824. Trong các sinh viên này Nhà trường đã tiến hành gửi thông tin khảo sát đến các sinh viên tốt nghiệp, số sinh viên phản hồi là 4613 sinh viên (đạt 95,62%) đảm bảo đại diện cho đầy đủ các ngành đào tạo, đảm bảo tính đại diện cho số sinh viên tốt nghiệp về vùng miền, giới tính, độ tuổi.

Số sinh viên phản hồi có việc làm là 4440, số sinh viên chưa có việc làm là 222. Như vậy, số sinh viên có việc làm đạt 96,25% số sinh viên phản hồi, trong đó số sinh viên có việc làm chiếm 92,04% trên tổng số sinh viên tốt nghiệp.

Căn cứ vào kết quả khảo sát việc làm của sinh viên, Trường ĐH GTVT thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành nghề đào tạo năm 2026. Đồng thời lên kế hoạch đổi mới nội dung chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên có việc làm trong những năm tiếp theo.

Trong những năm tới, Nhà trường tiếp tục công tác khảo sát việc làm của sinh viên, trong đó tập trung đẩy mạnh và phát triển hệ thống khảo sát trực tuyến,



ds

tăng cường mối liên hệ giữa Nhà trường, các đơn vị chức năng, các khoa chuyên môn và cố vấn học tập với cựu sinh viên.

Trên đây là báo cáo về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp năm 2025 (có phụ lục đính kèm).

Kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét./

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH-Bộ GD &ĐT (để b/c);
- TT hỗ trợ ĐT & Cung ứng nhân lực-Bộ GD &ĐT;
- Lưu HCTH, CTCT&SV.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 1073 /BC - DHGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2025)

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	7340301	Kế toán	296	263	292	260	155	85	37	7	12	97.26%	95.95%	10	239	6	22	
2	7340201	Tài chính - Ngân hàng	49	35	49	35	19	19	9	1	1	97.96%	97.96%	4	37	1	5	
3	7340101	Quản trị kinh doanh	238	134	232	132	93	117	15	5	6	99.14%	96.64%	7	198	5	15	
4	7460112	Toán ứng dụng	35	11	35	11	9	15	6	3	2	94.29%	94.29%	0	27	2	1	
5	7480201	Công nghệ thông tin	468	50	465	50	153	223	31	31	30	94.19%	93.59%	37	318	28	24	
6	7510104	Công nghệ kỹ thuật GT	25	0	25	0	1	6	12	4	2	92.00%	92.00%	1	17	0	1	
7	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	247	169	236	164	126	87	13	6	9	98.31%	93.93%	10	183	4	29	
8	7520103	Kỹ thuật cơ khí	266	4	235	4	113	66	34	9	13	94.47%	83.46%	9	154	8	42	
9	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	142	2	138	2	70	49	11	3	7	96.38%	93.66%	8	91	8	23	
10	75201151	Kỹ thuật nhiệt - lạnh	68	0	66	0	29	23	12	0	2	96.97%	94.12%	1	59	1	3	



TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phân hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phân hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
11	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	85	0	77	0	34	25	8	7	4	96.10%	87.06%	12	40	3	12	
12	7520130	Kỹ thuật ô tô	376	4	345	4	258	56	6	20	9	98.55%	90.43%	20	263	20	17	
13	7520201	Kỹ thuật điện	161	3	156	3	72	56	15	4	11	94.23%	91.30%	11	99	2	31	
14	7520207	Kỹ thuật điện tử viễn thông	324	17	306	15	87	139	61	7	15	96.08%	90.74%	34	208	12	33	
15	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	281	10	257	10	153	86	10	1	10	97.28%	88.97%	39	183	6	21	
16	7520218	Cử nhân Kỹ thuật Robot và trí tuệ nhân tạo	6	1	6	1	2	4	0	0	0	100.00%	100.00%	2	3	0	1	
17	7520320	Kỹ thuật môi trường	16	2	16	2	9	2	3	2	0	100.00%	100.00%	2	10	0	2	
18	7580201	Kỹ thuật xây dựng	266	3	235	3	116	71	21	7	25	91.49%	80.83%	32	153	12	11	
19	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	1	0	1	0	1	0	0	0	0	100.00%	100.00%	0	1	0	0	
20	7580205	KTXD CTGT	397	15	382	13	204	108	28	27	18	96.07%	92.44%	58	247	11	24	
21	7580301	Kinh tế xây dựng	228	124	224	122	126	64	21	7	10	97.32%	95.61%	27	168	7	9	

TT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc (Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm			Nhà nước	Tur nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
22	7580302	Quản lý xây dựng	122	31	121	31	51	38	19	7	7	95.04%	94.26%	11	88	2	7	
23	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	131	99	128	97	63	39	19	2	7	96.09%	93.89%	5	100	4	12	
24	7840101	Khai thác vận tải	269	178	266	176	172	64	17	5	11	96.99%	95.91%	13	210	3	27	
25	7840104	Kinh tế vận tải	218	113	216	112	78	80	47	3	8	96.30%	95.41%	18	167	3	17	
26	7310101	Kinh tế	101	59	96	57	10	55	28	1	2	97.92%	93.07%	7	77	2	7	
27	7580101	Kiến trúc	8	4	8	4	4	2	0	1	1	87.50%	87.50%	0	6	0	0	
28	TỔNG		4824	1331	4613	1308	2208	1579	483	170	222	96.25%	92.04%	378	3346	150	396	



PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng

Chú ý:

(2) (3) Mã, tên ngành Ghi đúng quy định tại Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017, không viết tắt, không thêm dấu chấm, dấu phẩy ở cuối.

Ví dụ: (2) 7210234 (3) Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình; mỗi ngành báo cáo tổng số cuối cùng trong một dòng, không báo cáo theo chuyên ngành (Các mã ngành CĐSP ghi theo quy định tại thông tư 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/05/2014 (văn bản hợp nhất), TCSP ghi theo quy định tại Thông tư 34/2011/TT-BGDĐT ngày 11/08/2011).

(4) (5) Ghi đủ số sinh viên tốt nghiệp của năm, bao gồm số sinh viên tốt nghiệp chậm, bảo lưu từ những khóa trước.

(13) (14) SV có việc làm = Số sinh viên tốt nghiệp có việc làm + Số sinh viên tiếp tục học.